

Số: 1884/BC-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG  
NĂM 2018**

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>Ý NGHĨA</b>
1	BGH	Ban giám hiệu
2	CBVC	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
3	CNMT&CNSH	Công nghệ môi trường và Công nghệ sinh học
4	CGKL	Cắt gọt kim loại
5	CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
6	DL - TM	Du lịch – Thương mại
7	BĐCL-KT	Bảo đảm chất lượng – Khảo thí
8	TC - HC	Tổ chức - Hành chính
9	HSSV	Học sinh, sinh viên
10	KĐCLCSGDNN	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
11	KTX	Ký túc xá
12	KH-TC	Kế hoạch – Tài chính
13	LĐTBOXH	Lao động, Thương binh và Xã hội
14	NCKH	Nghiên cứu khoa học
15	QĐ	Quyết định
16	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
17	SPDN	Sư phạm dạy nghề
18	TB	Thông báo
19	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
20	TĐGCLCSGDNN	Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
21	TTGDNN	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp
22	TTDV-SX	Trung tâm Dịch vụ- Sản xuất
23	UBND	Ủy ban nhân dân

## I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

### 1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên trường : Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Tên tiếng Anh : Nha Trang College of Technology.

Cơ quan chủ quản : Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ trường :

*Trụ sở chính mới (Cơ sở 1):* Đường N1, khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

*Trụ sở chính cũ (Cơ sở 1):* 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

*Cơ sở 2:* Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang:

- Số 298 Thống Nhất, thành phố Nha Trang;

- 162 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

*Cơ sở 3:* Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô-cơ giới, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang;

*Cơ sở 4:* Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, thôn Tân Xương, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Số điện thoại : 0258.3881139; Fax: 0258.3882333

Email : [cdkten@khanhhoa.gov.vn](mailto:cdkten@khanhhoa.gov.vn)

Website : [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên : 1962

- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng : 31/01/2007

- Năm đổi tên trường : 15/9/2017

Loại hình trường: Công lập  ; Tư thực

### 2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

#### 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự:

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHÀ TRANG



### 2.2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường:

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBVC) tính đến 8/2018 là: 250 CBVC, trong đó:

- Trong biên chế: 142
- Hợp đồng lao động: 46
- Hợp đồng thỉnh giảng: 62

#### 3.1.3. Đội ngũ giáo viên

Tổng số: 190 GV, trong đó:

- Nam: 113
- Nữ: 77
- Cơ hữu: 128
- Thỉnh giảng: 62

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	1
Thạc sĩ	71
Đại học	118
Cao đẳng	
Trung cấp	
Công nhân bậc 5/7 trở lên	
Trình độ khác	
<b>Tổng số</b>	<b>190</b>

### 3. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp:

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	50	Cao đẳng
		5340302	50	Trung cấp
2	May thời trang	6540205	25	Cao đẳng
		5540205	25	Trung cấp
3	Quản trị DN vừa và nhỏ	6340417	50	Cao đẳng
4	Bảo vệ môi trường biển	6850106	20	Cao đẳng
		5850106	20	Trung cấp
5	Quản trị nhà hàng	6810206	30	Cao đẳng
6	Điện tử công nghiệp	6520225	30	Cao đẳng
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	30	Trung cấp
8	Cắt gọt kim loại	6520121	25	Cao đẳng
		5520121	25	Trung cấp
9	Công nghệ ô tô	6510216	30	Cao đẳng
		5510216	30	Trung cấp
10	Điện công nghiệp	6520227	30	Cao đẳng
		5520227	40	Trung cấp
11	Quản trị khách sạn	6810201	30	Cao đẳng
		5810201	30	Trung cấp
12	Hàn	5520123	30	Trung cấp
13	Điện dân dụng	6520226	30	Cao đẳng
14	Cơ điện tử	6520263	25	Cao đẳng
		5520263	25	Trung cấp
15	Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính	6480102	30	Cao đẳng
		5480102	30	Trung cấp
16	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	30	Cao đẳng
		5480202	30	Trung cấp
17	Chế biến thực phẩm	50540103	35	Cao đẳng
		40540103	50	Trung cấp
18	Kỹ thuật xây dựng	50510106	35	Cao đẳng
		40510106	100	Trung cấp
19	Thiết kế thời trang	50540206	35	Cao đẳng
		40540206	35	Trung cấp
20	Công nghệ sinh học	50420201	30	Cao đẳng
		40420201	30	Trung cấp
21	Điện tử dân dụng	40510344	40	Trung cấp
22	Tin học văn phòng	40480201	30	Trung cấp
23	Hướng dẫn du lịch	50810101	35	Cao đẳng
		40810101	50	Trung cấp
24	Kỹ thuật chế biến món ăn	50810204	70	Cao đẳng
		40810204	80	Trung cấp

TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
25	Nghiep vụ nhà hàng	40810203	40	Trung cấp
26	Dịch vụ nhà hàng		50	Sơ cấp nghề
27	Hàn, gò		50	Sơ cấp nghề
28	Điện tử dân dụng và công nghiệp		50	Sơ cấp nghề
29	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp		30	Sơ cấp nghề
30	Mây, tre, lá		100	Sơ cấp nghề
31	Điều khiển phương tiện thủy nội địa		400	Sơ cấp nghề
32	Điện lạnh		50	Sơ cấp nghề
33	Xây dựng – nề		50	Sơ cấp nghề
34	Tiện, phay, bào		10	Sơ cấp nghề
35	Sửa chữa hệ thống đánh lửa điện tử		30	Sơ cấp nghề
36	Sửa chữa ô tô, máy nổ		10	Sơ cấp nghề
37	Sửa chữa xe gắn máy		50	Sơ cấp nghề
38	Sửa chữa, bảo trì máy tính		30	Sơ cấp nghề
39	Nữ công gia chánh		100	Sơ cấp nghề
40	Điện dân dụng và điện công nghiệp		20	Sơ cấp nghề
41	Điện ô tô		50	Sơ cấp nghề
42	Lái xe ô tô		510	Sơ cấp nghề

#### **4. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng**

##### **4.1. Đơn vị phụ trách: Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí**

- Phòng Bảo đảm chất lượng – Khảo thí (BĐCL-KT) được thành lập theo Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang trên cơ sở là phòng Đảm bảo chất lượng-Khảo thí được thành lập vào ngày 30/12/2011 theo Quyết định số 942/QĐ-CDN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang;

- Chức năng, nhiệm vụ của Phòng được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nghệ Nha Trang và Quy chế Tổ chức hoạt động của phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí;

Phòng thực hiện 5 chức năng như sau:

- Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Công tác khảo thí;
- Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- Công tác quan hệ doanh nghiệp;
- Công tác thư viện.

##### **4.2. Danh sách CBVC của đơn vị:**

TT	HỌ VÀ TÊN, ĐIỆN THOẠI, EMAIL	CHỨC DANH, NHIỆM VỤ
1	Nguyễn Văn Thoại 0914119123 vanthoai1559@gmail.com	- Phó trưởng phòng, phụ trách phòng; - Thực hiện các công tác BĐCL, KĐCL, khảo thí, nghiên cứu khoa học, quan hệ doanh nghiệp, thư viện và các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng giao.
2	Nguyễn Kim Khánh 0912871920 kimkhanh_71@yahoo.com	- Phó trưởng phòng; - Phụ trách công tác nghiên cứu khoa học, khảo thí.
3	Phạm Xuân Hồng Sơn 0848794705 pdblkt@gmail.com	- Nhân viên; - Thực hiện công tác khảo thí; thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
4	Trần Nguyên Độ 0905283828 trannguyendo2012@gmail.com	- Nhân viên; - Thực hiện công tác quan hệ doanh nghiệp, thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
5	Nguyễn Thị Anh Thư 0592162301 anhthu_ck@yahoo.com.vn	- Nhân viên; - Thực hiện công tác BĐCL& KĐCL; thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.
6	Nguyễn Thị Tuyết Nhung 0393537973 tamnhung184@gmail.com	- Nhân viên; - Thực hiện công tác thư viện, thực hiện nhiệm vụ khác do trưởng phòng phân công.

## II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

### 1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

#### a) Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay, là trách nhiệm của các cấp các ngành và toàn xã hội. Mục tiêu phát triển các trường chất lượng cao, các nghề đào tạo đạt trình độ quốc gia, khu vực và quốc tế đòi hỏi phải có hệ thống BĐCL giáo dục nghề nghiệp. Đây là yếu tố quan trọng giúp nhà trường hoàn thiện công tác BĐCL và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Cùng với việc tập trung đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị; đổi mới chương trình đào tạo; nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV thì một giải pháp không kém phần quan trọng và có tính đột phá là phải cải tiến về quản trị nhà trường, trong đó đề cao đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo một cách tổng thể và bền vững đó là “xây dựng hệ thống BĐCL trong nhà trường”. Việc xây dựng hệ thống BĐCL trong nhà trường góp phần đổi mới công tác quản lý, bảo đảm dân chủ, thống nhất;

tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; coi trọng quản lý chất lượng đó cũng là một trong những giải pháp nhằm đổi mới giáo dục nghề nghiệp.

Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp được hiểu là một cơ chế quản lý, giám sát nhằm duy trì các chuẩn mực và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trong nhà trường là quản lý toàn bộ quá trình đào tạo để BĐCL các cấp từ đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra với các yêu cầu: Thực hiện trước, trong và sau quá trình đào tạo, phát hiện, phòng ngừa những yếu tố làm giảm chất lượng đào tạo; xác định theo các chuẩn mực và có quy trình, cơ chế bảo đảm chất lượng đầu ra (chất lượng học sinh tốt nghiệp), trách nhiệm của mọi người tham gia quá trình đào tạo (CBQL, giáo viên, nhân viên).

Trong những năm qua, công tác BĐCL trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, chưa xác định được trách nhiệm của nhà trường và vai trò của hệ thống BĐCL có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề trong thời gian qua cho thấy nhà trường mới tuân thủ cơ bản các quy định của nhà nước, nhà trường hoạt động kiểm định chất lượng là chủ yếu dựa vào các tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thực hiện BĐCL bên trong của trường và cuối cùng mời Đoàn đánh giá từ bên ngoài để công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Đây là hạn chế không những của nhà trường mà là của hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Nhìn thấy được sự hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, năm 2017 Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã ban hành Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn về xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng trên toàn quốc.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường chất lượng cao đến năm 2020, nhà trường cần phải đẩy mạnh công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, trong thời gian tới thực hiện các công việc sau:

- Nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường thấy được tầm quan trọng của hệ thống BĐCL. Vì rằng, việc xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL trong nhà trường là cơ hội để trường tiếp cận mô hình quản lý hiện đại, nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường, giúp trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật, không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn sẽ làm thay đổi thói quen theo mô hình quản lý cũ của nhà trường đây là một công việc rất khó khăn, phức tạp. Vì vậy cần phải nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường thấy được tầm quan trọng của hệ thống BĐCL. Đồng thời để hệ thống vận hành được cần phải có nguồn lực, quyết tâm chính trị của tập thể đội ngũ lãnh đạo, CBQL, GV, nhân viên của toàn trường, đặc biệt là cam kết của hiệu trưởng.

- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; bồi dưỡng kiến thức về tự đánh giá chất lượng cho các đối tượng là lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo các phòng, khoa trong trường do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức;

- Căn cứ vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nhà trường tập trung xây dựng và áp dụng: Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng; các quy trình, công cụ

BĐCL; hệ thống thông tin BĐCL; cơ chế và quy định kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang phấn đấu trở thành trường chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, từng bước nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc, việc bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm cao nhất mà toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phải thực hiện.

Phải luôn xác định rằng: “Chất lượng là hành trình không có điểm kết thúc”, để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hiệu trưởng và toàn bộ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

### ***b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng***

#### **b1) Các căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Công văn số 22/TCGDNN-KĐCL, Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trường trung cấp, cao đẳng năm 2018.

- Công văn số 1690/TCGDNN-KĐCL ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

#### **b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL), nhà giáo, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên (HSSV) về tầm quan trọng của công tác bảo đảm chất lượng của nhà trường;

- Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giữ vững thương hiệu và uy tín của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

- Tiếp cận trình độ giáo dục nghề nghiệp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

#### **b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**



- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn;

- Nhân mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm;

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học;

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý;

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

### ***Bước 1. Công tác chuẩn bị***

1. Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng:

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập đơn vị;

b) Giao nhiệm vụ đơn vị phụ trách bảo đảm chất lượng:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị nhà trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng. Kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;

- Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường.

3. Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

4. Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

### ***Bước 2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng***

1. Xây dựng chính sách chất lượng:

a) Phòng BĐCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng chính sách chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Chính sách chất lượng phù hợp với chính sách phát triển chung của trường trong từng giai đoạn cụ thể và các quy định liên quan khác; cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo; trình bày cô đọng, rõ ràng, dễ hiểu;

c) Chính sách chất lượng được lấy ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

## 2. Xây dựng mục tiêu chất lượng:

a) Phòng BĐCL-KT chủ trì tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Mục tiêu chất lượng phù hợp với chính sách chất lượng của trường; được xác định theo thứ tự ưu tiên nhằm cụ thể hóa chính sách chất lượng theo từng giai đoạn cụ thể;

c) Mục tiêu chất lượng được ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

## 3. Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BĐCL-KT xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Sổ tay bảo đảm chất lượng phản ánh trung thực, chính xác các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường.

c) Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sự thay đổi định hướng chiến lược hay quy định khác có liên quan.

## 4. Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng:

a) Phòng BĐCL-KT chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo cách thức sau:

- Xác định lĩnh vực quản lý chất lượng trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành. Tùy theo điều kiện, đặc thù của nhà trường có thể xác định các lĩnh vực quản lý chất lượng khác nếu cần thiết;

- Căn cứ các lĩnh vực quản lý chất lượng đã được xác định, nghiên cứu, xây dựng các nội dung cụ thể của từng lĩnh vực quản lý chất lượng.

b) Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho từng nội dung cụ thể của các lĩnh vực quản lý chất lượng trình người đứng đầu cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp phê duyệt. Các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyên dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo

dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

***Bước 3. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng***

1. Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

***c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp***

Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng và ban hành theo Quyết định số 578 ngày 26/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**  
**KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**

**CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG**

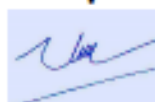
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang phấn đấu trở thành trường chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, từng bước nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc, việc bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm cao nhất mà toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phải thực hiện.

Để đạt được yêu cầu chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng và toàn bộ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động cam kết xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với những nội dung như sau:

1. Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học.
2. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động nhiệt tình, tận tâm, đủ năng lực và phẩm chất thực hiện tốt công tác chuyên môn; không ngừng học tập nâng cao trình độ.
3. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến; tham khảo các chương trình, tài liệu của nước ngoài.
4. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.
5. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy và học; được tôn trọng và đối xử bình đẳng; có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, dịch vụ ăn uống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tổ chức các ngày hội việc làm để người học tiếp xúc với nhà tuyển dụng, tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp./

*Khánh hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2018*



**HIỆU TRƯỞNG**

  
Người ký: Trần Văn Hải  
Email: [tranvhai@kcnha.com.vn](mailto:tranvhai@kcnha.com.vn)  
Cơ quan: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Chức vụ: Hiệu trưởng  
Số văn bản: 246/LĐTBXH/TTGHNH/HT/18

**ThS. Trần Văn Hải**

**d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chất lượng và ban hành theo Quyết định số 578 ngày 26/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

	<p style="text-align: center;"><b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA</b> <b>TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG</b></p> <p>Địa chỉ: Đường N1, Bắc Hòn Ông, Phước Đồng, Nha Trang, Khánh Hòa Điện thoại: 0258.3881139      Email: cdkctcn@khanhhoa.gov.vn Fax: 0258.3881139      Website: www.cdkctcnnt.edu.vn</p>
<h2>MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM HỌC 2017-2018</h2> <p>Năm học 2017 - 2018, thực hiện theo chính sách chất lượng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành ngày 26/4/2018, toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động phát huy tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu chất lượng như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án đúng theo quy định; 100% các bộ môn có bài giảng điện tử. Tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất theo quy định.</li><li>2. 100% đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trong đó có 70% nhà giáo đạt chuẩn theo quy định của trường chất lượng cao.</li><li>3. 100% giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến.</li><li>4. Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo tiên tiến đủ về số lượng và chất lượng. Tổ chức quản lý phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.</li><li>5. Phấn đấu 95% HSSV cuối khóa đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp và từ 90% HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường. Xây dựng nề nếp, tác phong công nghiệp, môi trường sư phạm, phấn đấu 25 tập thể lớp tiên tiến. Tổ chức tư vấn việc làm, thông tin về tuyển dụng cho HSSV sau khi tốt nghiệp./.</li></ol> <p style="text-align: right;">Khánh Hòa, ngày 26 tháng 4 năm 2018</p> <p style="text-align: center;"><b>HIỆU TRƯỞNG</b></p> <p style="text-align: center;"> <b>ThS. Trần Văn Hải</b></p>	

*e) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành*

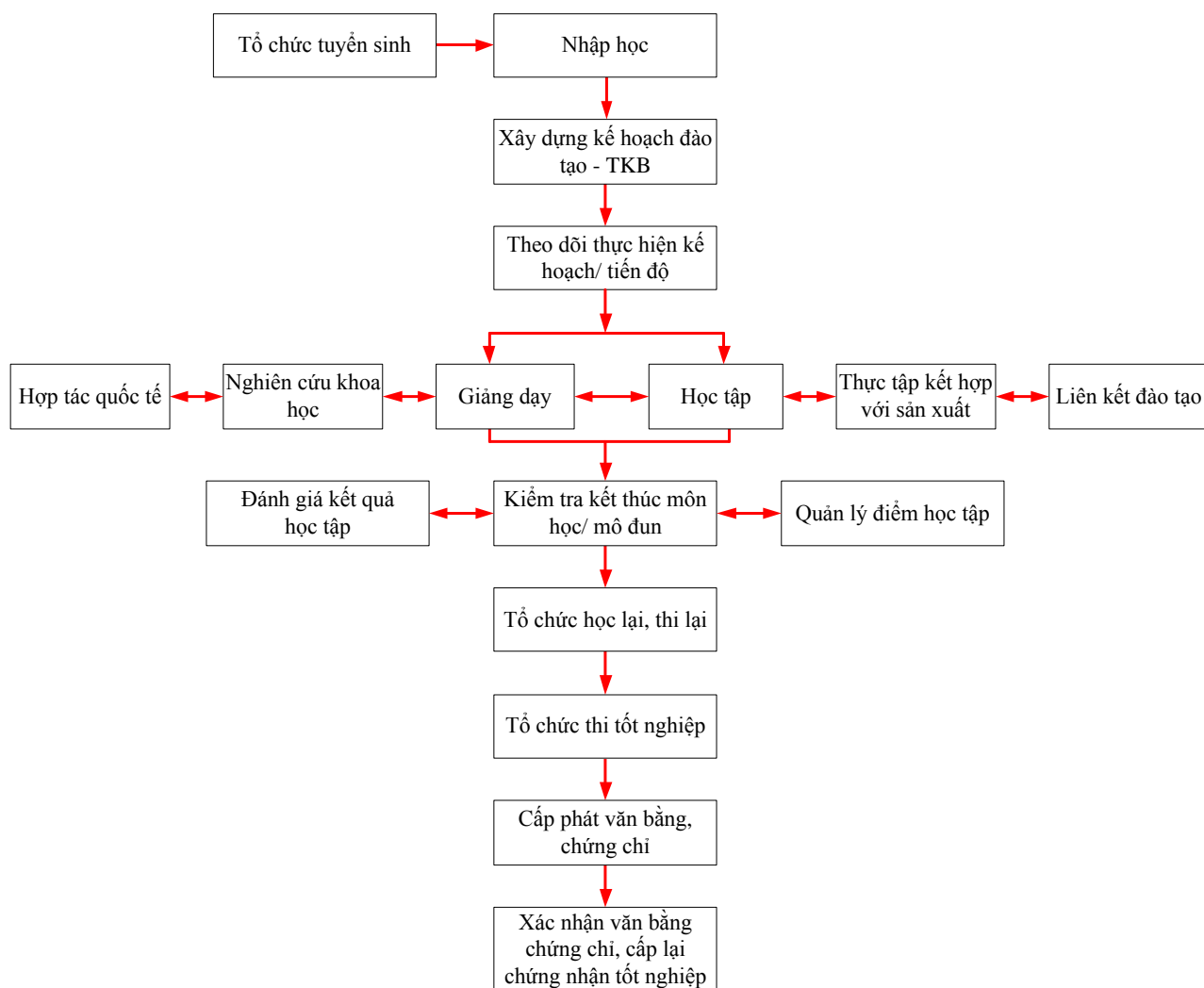
## **CÁC NỘI DUNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

### **1. Bảo đảm chất lượng hoạt động dạy và học**

#### a) Các nội dung bảo đảm chất lượng hoạt động dạy và học

Tổ chức tuyển sinh; nhập học; xây dựng kế hoạch đào tạo/thời khóa biểu; thực hiện tiến độ đào tạo; giảng dạy/học tập; thực tập/kết hợp sản xuất; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; liên kết đào tạo; đánh giá kết quả học tập; kiểm tra kết thúc môn đụn/môn học; quản lý điểm học tập; tổ chức học lại, thi lại; thi tốt nghiệp; cấp phát văn bằng - chứng chỉ; xác nhận văn bằng – chứng chỉ, cấp lại chứng nhận tốt nghiệp.

#### b) Sơ đồ mối liên hệ giữa các hoạt động



### **2. Bảo đảm chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo**

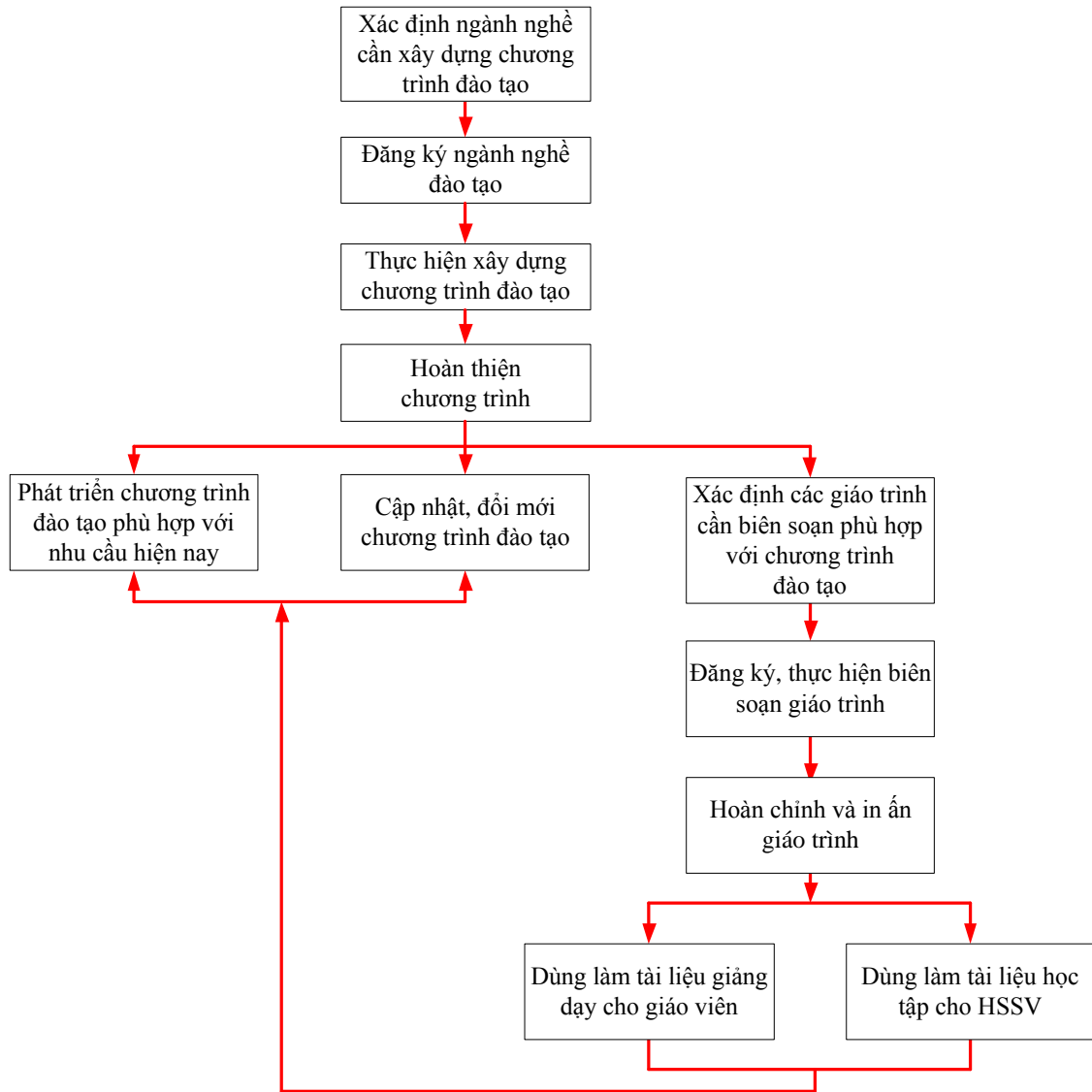
#### a) Chương trình đào tạo:

Đăng ký ngành nghề đào tạo; xây dựng chương trình đào tạo; phát triển chương trình; cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo;

#### b) Giáo trình:

Tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình; cải tiến, đổi mới giáo trình, học liệu.

c) Sơ đồ mối liên hệ giữa các nội dung

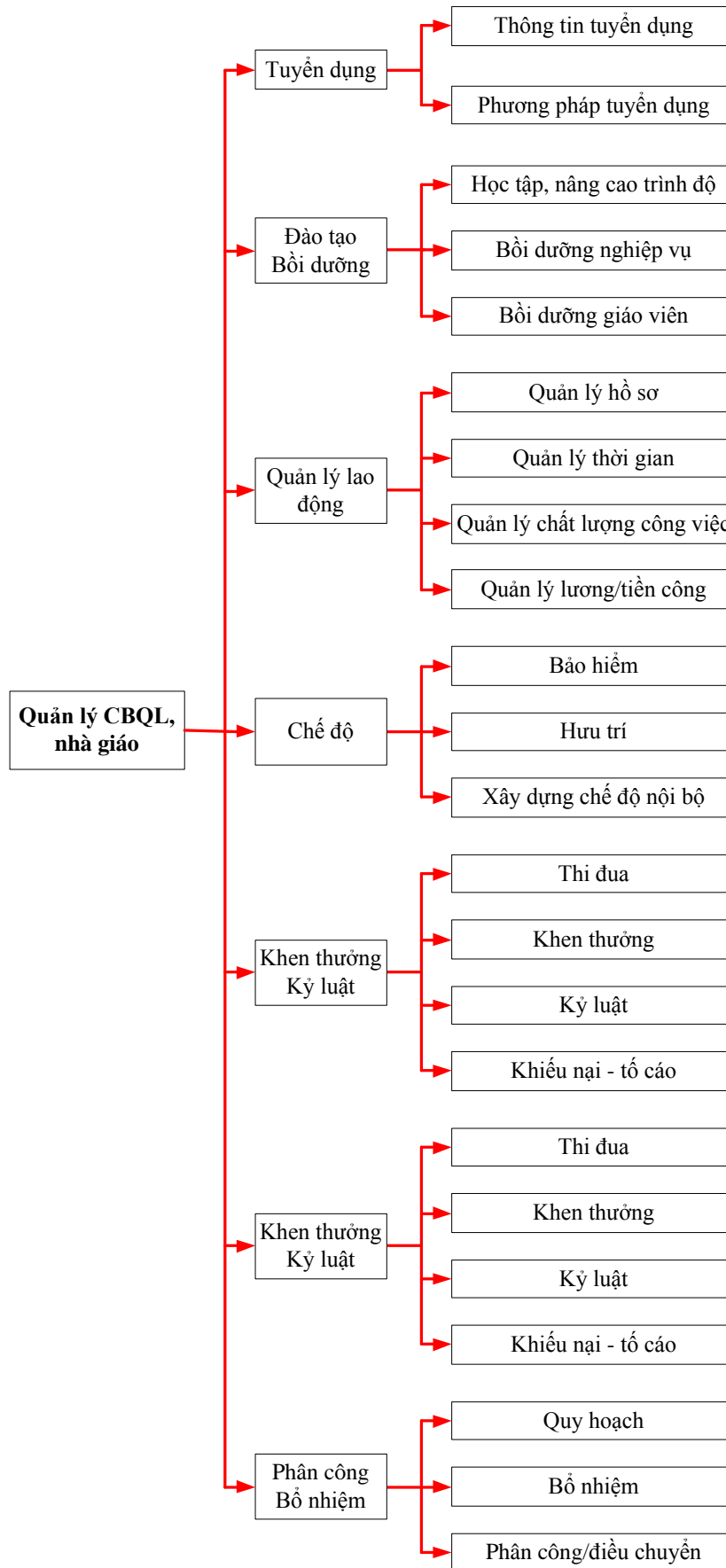


**3. Bảo đảm chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động**

a) Các nội dung bảo đảm chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động:

- Tuyển dụng: Thông tin tuyển dụng; phương pháp đánh giá, tuyển dụng;
- Đào tạo, bồi dưỡng: Học tập, nâng cao trình độ; bồi dưỡng nghiệp vụ; bồi dưỡng giáo viên; bồi dưỡng kỹ năng tại doanh nghiệp;
- Quản lý lao động: Quản lý hồ sơ; quản lý thời gian; quản lý chất lượng công việc;
- Chế độ: Quản tiền lương/tiền công; bảo hiểm; hưu trí; xây dựng chế độ nội bộ;
- Khen thưởng, kỷ luật: Đánh giá, đánh giá lại; thi đua; khen thưởng; kỷ luật; khiếu nại, tố cáo;
- Phân công, bổ nhiệm: Quy hoạch; bổ nhiệm; phân công/điều chuyển.

b) Sơ đồ mối liên hệ giữa các nội dung:





#### 4. Bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; thư viện:

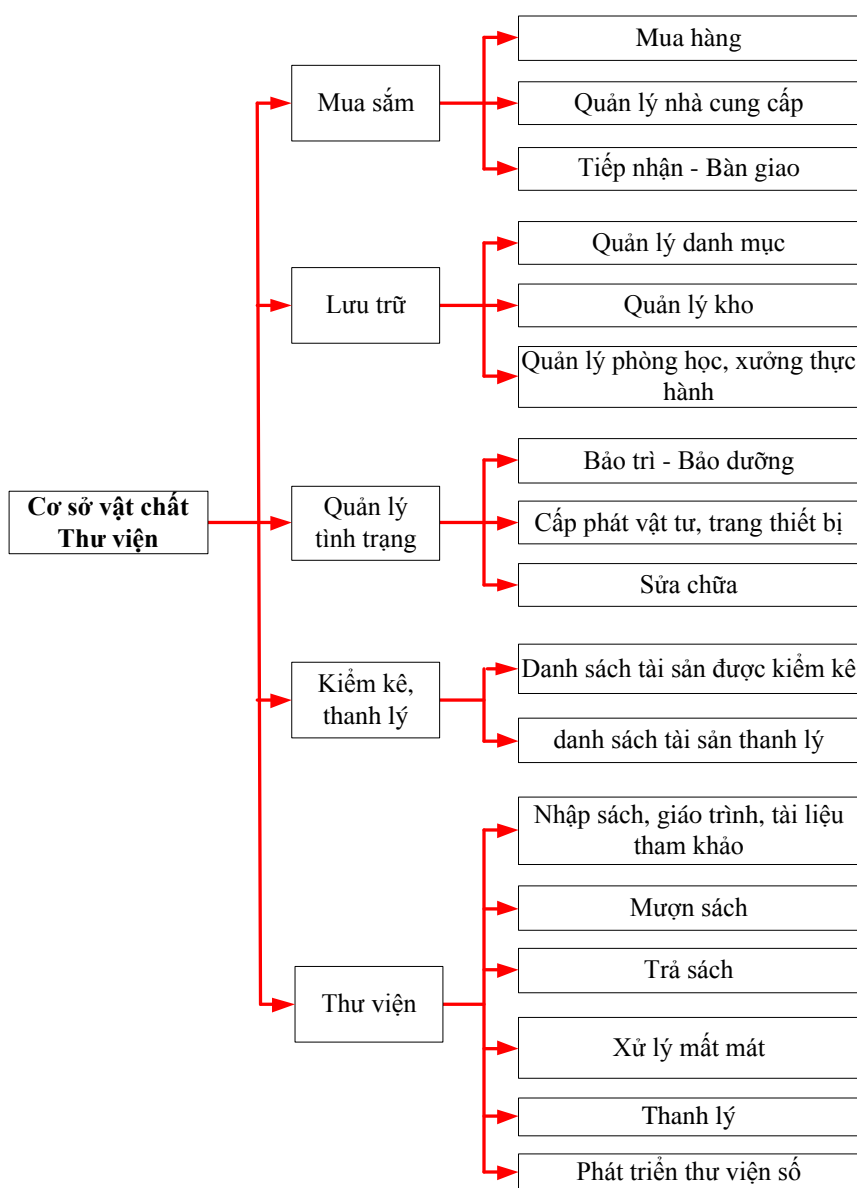
##### a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo:

- Mua sắm: Mua hàng; quản lý nhà cung cấp; tiếp nhận, bàn giao;
- Lưu trữ: Quản lý danh mục; quản lý kho; quản lý phòng học, xưởng thực hành;
- Quản lý tình trạng: Bảo trì, bảo dưỡng; sửa chữa; cấp phát vật tư;
- Kiểm kê, thanh lý.

##### b) Quản lý thư viện:

- Tổ chức hoạt động thư viện;
- Phát triển thư viện số.

##### c) Sơ đồ mối liên hệ giữa các nội dung



## 5. Bảo đảm chất lượng công tác HSSV, dịch vụ người học

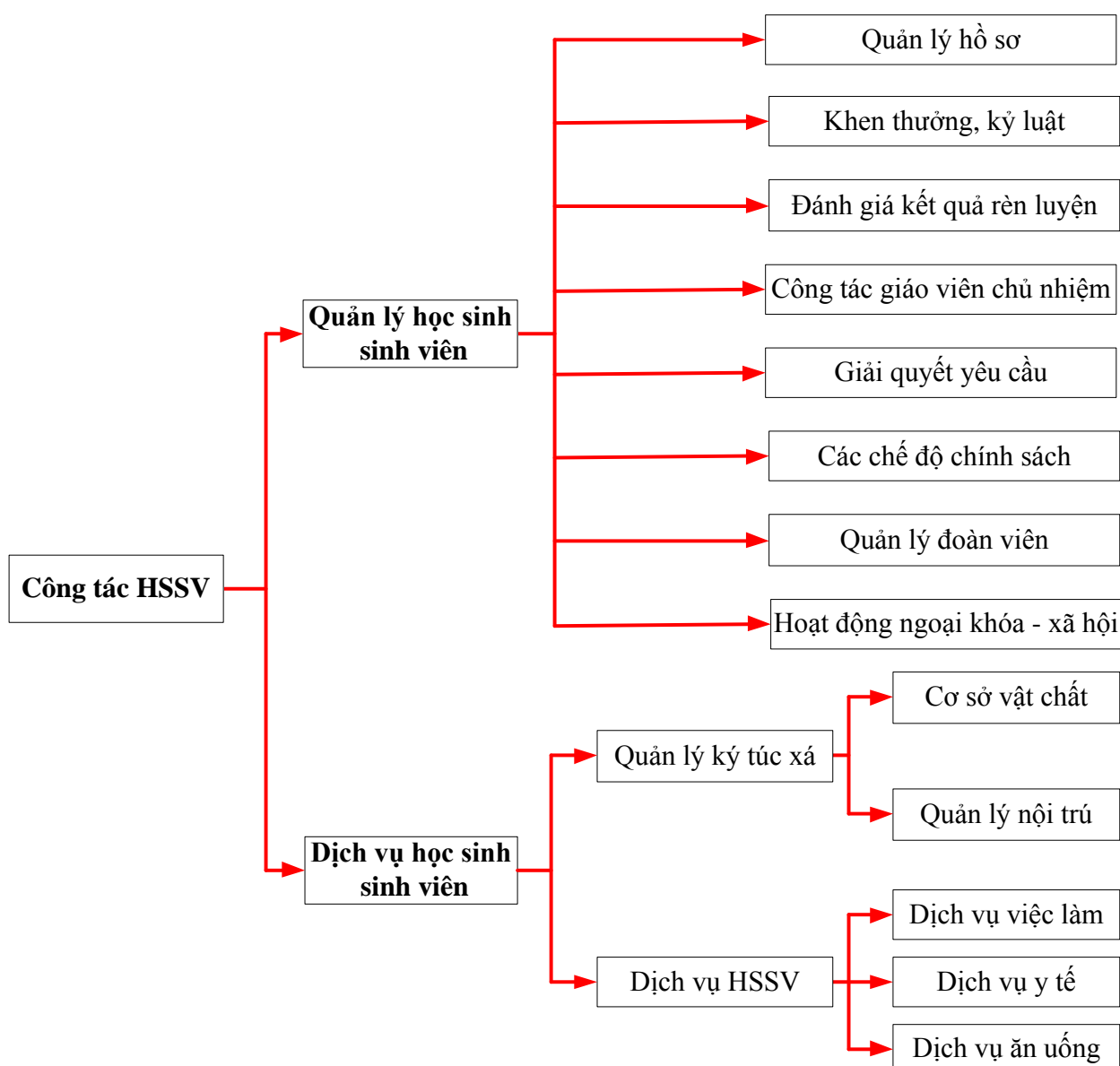
a) Các nội dung bảo đảm chất lượng công tác HSSV:

Quản lý hồ sơ; khen thưởng, kỷ luật; đánh giá kết quả rèn luyện; công tác giáo viên chủ nhiệm; giải quyết các yêu cầu; chế độ chính sách; quản lý đoàn viên; Hoạt động ngoại khóa, xã hội.

b) Dịch vụ người học:

- Quản lý ký túc xá;
- Dịch vụ HSSV: Dịch vụ y tế, ăn uống; dịch vụ việc làm, lần vết việc làm; thăm dò ý kiến.

c) Sơ đồ về mối liên hệ giữa các nội dung



## **QUY TRÌNH, CÔNG CỤ VÀ CÁC BIỂU MẪU**

Ngoài các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo TT 28/2017/BLĐTHXH, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường xây dựng thêm các quy trình, công cụ để thực hiện các nội dung: Bảo đảm chất lượng hoạt động dạy và học; bảo đảm chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo; bảo đảm chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động; bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, thư viện và bảo đảm chất lượng công tác HSSV, dịch vụ người học.

### **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO**

#### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH:**

1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo;
2. Quy trình lựa chọn chương trình đào tạo;
3. Quy trình chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo;
4. Quy trình xây dựng giáo trình đào tạo;
5. Quy trình lựa chọn giáo trình đào tạo;
6. Quy trình chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo;
7. Quy trình tuyển sinh;
8. Quy trình xét điều kiện dự thi kết thúc môn học/mô đun;
9. Quy trình thi kết thúc môn học/mô đun;
10. Quy trình xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;
11. Quy trình thi và xét điều kiện tốt nghiệp;
12. Quy trình đánh giá kết quả học tập;
13. Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học;

#### **B. Các quy trình khác**

14. Quy trình quản lý điểm.
15. Quy trình xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo/TKB
16. Quy trình liên kết đào tạo;
17. Quy trình bảo lưu kết quả học tập;
18. Quy trình mở mã nghề đào tạo;
19. Quy trình tổ chức học lại, thi lại.

## **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC TỔ CHỨC, HÀNH CHÍNH**

### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH:**

1. Quy trình tuyển dụng;
2. Quy trình quy hoạch;
3. Quy trình bổ nhiệm CBQL;
4. Quy trình đào tạo, bồi dưỡng CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động;
5. Quy trình đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động.

### **B. Các quy trình khác**

6. Quy trình quản lý hồ sơ CBVC;
7. Quy trình khen thưởng CBVC
8. Quy trình kỷ luật CBVC
9. Quy trình xét nâng lương
10. Quy trình tổ chức nhà giáo học tập tại doanh nghiệp

## **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT**

### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH:**

1. Quy trình quản lý, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo;
2. Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;
3. Quy trình cấp phát vật tư phục vụ đào tạo;
4. Quy trình quản lý xưởng thực hành, phòng học lý thuyết.

### **B. Các quy trình khác**

5. Quy trình sửa chữa máy móc, thiết bị;
6. Quy trình đầu tư/mua sắm tài sản.

## **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, KHẢO THÍ, QUAN HỆ DOANH NGHIỆP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, THƯ VIỆN**

### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH:**

1. Quy trình khảo sát học sinh sau tốt nghiệp;
2. Quy trình khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

### **B. Các quy trình khác**

3. Quy trình dự giờ;
4. Quy trình biên soạn ngân hàng câu hỏi/đề thi;
5. Quy trình tổ chức HSSV thực tập tại doanh nghiệp
6. Quy trình đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, SKCT;
7. Quy trình nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, SKCT;

8. Quy trình tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
9. Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
10. Quy trình tổ chức ký kết các hợp đồng gia công, sản xuất, dịch vụ với doanh nghiệp;
11. Quy trình mượn, trả tài liệu thư viện;
12. Quy trình xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

### **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC CÔNG TÁC HSSV**

#### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH:**

1. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện;

#### **B. Các quy trình khác**

2. Quy trình nhập học;
3. Quy trình quản lý HSSV nội trú;
4. Quy trình khen thưởng HSSV;
5. Quy trình kỷ luật HSSV;
6. Quy trình quản lý hồ sơ HSSV;
7. Quy trình xét học bổng HSSV.

### **NHÓM QUY TRÌNH/CÔNG CỤ THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**

#### **A. Các quy trình theo TT 28/2017/BLĐTHXH: Không có**

#### **B. Các quy trình khác**

1. Quy trình kiểm kê tài sản;
2. Quy trình thanh lý tài sản;
3. Quy trình thu học phí;
4. Quy trình tạm ứng;
5. Quy trình thanh toán tạm ứng;
6. Quy trình thanh toán hợp đồng giảng dạy;
7. Quy trình thanh toán lương;
8. Quy trình thanh toán đề tài sáng kiến.

**Danh mục các quy trình/ công cụ bảo đảm chất lượng đang áp dụng được liệt kê theo bảng sau:**

<b>STT</b>	<b>TÊN TÀI LIỆU</b>	<b>MÃ HÓA</b>
1	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo;	QT.01
2	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo;	QT.02
3	Quy trình tuyển sinh;	QT.03
4	Quy trình xét điều kiện dự thi và thi kết thúc môn học/mô đun;	QT.04
5	Quy trình xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;	QT.06
6	Quy trình thi và xét điều kiện tốt nghiệp;	QT.07

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HÓA
7	Quy trình đánh giá kết quả học tập;	QT.09
8	Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học;	QT.10
9	Quy trình quản lý điểm;	QT.11
10	Quy trình liên kết đào tạo;	QT.12
11	Quy trình bảo lưu kết quả học tập;	QT.13
12	Quy trình mở mã nghề đào tạo;	QT.14
13	Quy trình tổ chức học lại, thi lại;	QT.15
14	Quy trình xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo/TKB;	QT.16
15	Quy trình tuyển dụng;	QT.17
16	Quy trình quy hoạch;	QT.18
17	Quy trình bổ nhiệm CBQL;	QT.19
18	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng CBQL, nhà giáo, NV và người lao động;	QT.20
19	Quy trình đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, NV và người lao động.	QT.21
20	Quy trình quản lý hồ sơ CBVC;	QT.22
21	Quy trình khen thưởng CBVC;	QT.23
22	Quy trình kỷ luật CBVC;	QT.24
23	Quy trình xét nâng lương;	QT.25
24	Quy trình tổ chức nhà giáo học tập tại doanh nghiệp;	QT.26
25	Quy trình quản lý, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo;	QT.27
26	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;	QT.28
27	Quy trình cấp phát vật tư phục vụ đào tạo;	QT.29
28	Quy trình quản lý xưởng, phòng học.	QT.30
29	Quy trình sửa chữa máy móc, thiết bị;	QT.31
30	Quy trình mua sắm tài sản.	QT.32
31	Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện;	QT.33
32	Quy trình nhập học;	QT.34
33	Quy trình xét học bổng HSSV;	QT.35
34	Quy trình quản lý HSSV ký túc xá;	QT.36
35	Quy trình khen thưởng HSSV;	QT.37
36	Quy trình kỷ luật HSSV;	QT.38
37	Quy trình quản lý hồ sơ HSSV;	QT.39
38	Quy trình khảo sát học sinh sau tốt nghiệp	QT.40
39	Quy trình khảo sát doanh nghiệp	QT.41
40	Quy trình dự giờ;	QT.42
41	Quy trình biên soạn, bổ sung, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi/đề thi;	QT.43
42	Quy trình tổ chức HSSV thực tập tại doanh nghiệp	QT.44
43	Quy trình đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, SKCT;	QT.45
44	Quy trình nghiệm thu đề tài NCKH, SKCT;	QT.46
45	Quy trình tự đánh giá chất lượng CSGDNN;	QT.47
46	Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;	QT.48
47	Quy trình tổ chức ký kết các hợp đồng gia công, sản xuất, dịch vụ với DN	QT.49
48	Quy trình mượn, trả tài liệu thư viện;	QT.50
49	Quy trình xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.	QT.51
50	Quy trình kiểm kê tài sản;	QT.52

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HÓA
51	Quy trình thanh lý tài sản;	QT.53
52	Quy trình thu học phí;	QT.54
53	Quy trình tạm ứng;	QT.55
54	Quy trình thanh toán tạm ứng;	QT.56
55	Quy trình thanh toán hợp đồng giảng dạy;	QT.57
56	Quy trình thanh toán lương;	QT.58
57	Quy trình thanh toán đề tài sáng kiến.	QT.59
58	Quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ lái xe mô tô hạng A1	QT.63
59	Quy trình quản lý hoạt động bếp ăn ký túc xá, căn tin	QT.64

***e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng***

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin, thực hiện theo nguyên tắc sau:

- a) Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;
- b) Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng;
- c) Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;
- d) Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động bảo đảm chất lượng.

Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được định kỳ rà soát, nâng cấp, xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Phòng BĐCL-KT là đơn vị chủ trì phối hợp với tổ Quản trị mạng xây dựng và ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Giới thiệu tóm lược về Tổ Quản trị mạng và thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Tổ quản trị mạng:

TT	HỌ VÀ TÊN, ĐIỆN THOẠI, EMAIL	NHIỆM VỤ
1	Bùi Quang Khải ĐT: 0919540747 bqkhai.it@gmail.com	Quản lý, phân công nhiệm vụ, điều phối các thành viên trong tổ thực hiện nhiệm vụ đúng qui chế làm việc; - Quản trị hệ thống mạng đường trục: các máy chủ, router, switch tổng, modem, cáp quang; quản trị CSDL; - Xây dựng các giải pháp, chính sách quản trị mạng (qui hoạch IP, Firewall, quản lý băng thông...); - Tiếp nhận, triển khai, quản trị, khai thác các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Xây dựng và giám sát thực hiện <i>Qui chế sử dụng mạng máy tính; qui chế sử dụng phần mềm, ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý nhà trường</i> ; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Công tác các dự án phân công.

2	Trần Châu Vân ĐT: 0373509585 trachava@gmail.com	Quản trị Website của trường; Hỗ trợ kỹ thuật phần mềm Quản lý văn bản; - Hỗ trợ kỹ thuật Phần mềm Quản lý đào tạo; - Hỗ trợ kỹ thuật người dùng; - Hỗ trợ, triển khai các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ trưởng phân công.
3	Nguyễn Trần Hoài Nam ĐT: 0934116884 Darktran_it84@yahoo.com	- Hỗ trợ kỹ thuật: Công thông tin tuyển sinh; - Hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng mạng (có dây và không dây) cho người dùng: + Quản lý thiết bị mạng tại các đơn vị, các điểm trung chuyển; + Giám sát tình trạng mạng và xử lý sự cố về mạng; + Hỗ trợ xác định lỗi phần cứng, tư vấn cho người dùng đề xuất Phòng quản trị thiết bị sửa chữa, thay thế; - Hỗ trợ, triển khai các phần mềm, các dự án ứng dụng CNTT trong trường; - Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ trưởng phân công.

- Thiết bị mạng:

- + Hệ thống máy chủ: 03 máy chủ;
- + Đường cáp quang: 07 đường cáp quang;
- + Edge Router: 02 cái;
- + Draytek Vigor 3900: 02 cái;
- + Draytek Vigor P2261: 01 cái;
- + Mạng Wifi: Được kết nối đến toàn trường.

- Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng được công bố trên trang Web của nhà trường: [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn)

- Các quy trình/công cụ/ biểu mẫu trên công thông tin giáo viên. CBQL, giáo viên, nhân viên và người lao động đều có thể truy cập và sử dụng.

## 2.2. Đánh giá, cải tiến

**a) Đánh giá:**

**Xây dựng kế hoạch:**

- Hằng năm, phòng BĐCL-KT xây dựng kế hoạch đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng của trường trình Hiệu trưởng phê duyệt. Kế hoạch thể hiện đơn vị được đánh giá, nội dung và thời gian thực hiện đánh giá.

- Căn cứ kế hoạch đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng đã được phê duyệt, các đơn vị thuộc trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện.

**Yêu cầu trong đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng:**

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ thông tin, minh chứng hợp lệ;



- Đánh giá các nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng của các đơn vị và của trường;

- Huy động sự tham gia của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

- Kết quả đánh giá công tác bảo đảm chất lượng từng đơn vị và kết quả đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được công bố công khai cho các đối tượng liên quan biết;

- Toàn bộ minh chứng, tài liệu phục vụ đánh giá được lưu trữ.

#### ***Thực hiện đánh giá, viết báo cáo***

- Đánh giá cấp đơn vị thuộc trường thực hiện đánh giá các nội dung sau:

+ Sự phù hợp và kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của đơn vị;

+ Sự phù hợp và kết quả vận hành các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đánh giá và quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng liên quan đã được ban hành;

+ Thực hiện quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng tại đơn vị.

Đơn vị viết báo cáo đánh giá công tác bảo đảm chất lượng gửi về phòng BDCL-KT để tổng hợp, báo cáo.

- Đánh giá cấp trường, phòng BDCL-KT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc trường thực hiện đánh giá các nội dung sau:

+ Sự phù hợp của chính sách chất lượng của trường;

+ Sự phù hợp và kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của trường;

+ Sự phù hợp và kết quả vận hành các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng của các lĩnh vực quản lý chất lượng của trường;

- Căn cứ vào báo cáo công tác bảo đảm chất lượng cấp đơn vị và kết quả đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp trường, phòng BDCL-KT viết báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp trường đối với từng lĩnh vực quản lý chất lượng, từng đợt đánh giá hoặc toàn bộ hệ thống khi thấy cần thiết. Phòng BDCL-KT lấy ý kiến các đơn vị thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, đại diện người học và đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của nhà trường đối với các nội dung đánh giá có liên quan; tổng hợp và hoàn thiện báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Phòng BDCL-KT thường xuyên theo dõi, kiểm tra kế hoạch đánh giá công tác bảo đảm chất lượng của các đơn vị, phát hiện kịp thời các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cần khắc phục. Trong trường hợp cần thiết báo cáo, đề xuất Hiệu trưởng thực hiện đánh giá độc lập.

#### ***Phê duyệt, công khai kết quả đánh giá***

- Phòng BDCL-KT tổ chức công bố công khai báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp trường trong nội bộ thời hạn 30 ngày làm việc.

- Báo cáo bảo đảm chất lượng của các đơn vị, báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp trường và toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định.

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01 đợt

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá theo bảng sau:

TT	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ VẬN HÀNH VÀ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ											
		P. BDCL-KT	P. ĐÀO TẠO	P. TC-HC	P. CT.HSSV	P. QT-TB	P. KH-TC	BAN CTCDA	CÁC KHOA	TT. GDNN NT	TT. ĐGKNN	TT. ĐÀO TẠO LX Ô TÔ – CG	TT. DV-SX
1	STCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	CSCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	MTCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	QT.01	X	X		X		X		X	X		X	X
5	QT.02	X	X		X		X		X	X		X	X
6	QT.03	X	X		X		X		X	X		X	X
7	QT.04	X	X		X		X		X	X		X	X
8	QT.06	X	X		X		X		X	X		X	X
9	QT.07		X	X	X		X		X	X		X	X
10	QT.09	X	X		X		X		X	X		X	X
11	QT.10	X	X		X		X		X	X		X	X
12	QT.11	X	X		X		X		X	X		X	X
13	QT.12		X		X		X		X	X		X	X
14	QT.13		X						X	X		X	X
15	QT.14		X	X					X	X		X	X
16	QT.15		X					X	X	X	X	X	X
17	QT.16		X				X		X	X		X	
18	QT.17		X	X			X						
19	QT.18	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
20	QT.19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
21	QT.20	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
22	QT.21	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
23	QT.22			X									
24	QT.23	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
25	QT.24	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
26	QT.25	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
27	QT.26	X	X	X					X	X		X	X
28	QT.27					X	X		X	X	X	X	X
29	QT.28					X	X		X	X	X	X	X
30	QT.29		X			X	X		X	X	X	X	X
31	QT.30		X			X			X	X	X	X	X
32	QT.31	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ VẬN HÀNH VÀ TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ											
		P. BĐCL-KT	P. ĐÀO TẠO	P. TC-HC	P. CT.HSSV	P. QT-TB	P. KH-TC	BAN CTCDA	CÁC KHOA	TT. GDNN NT	TT. ĐGKNN	TT. ĐÀO TẠO LX Ô TÔ – CG	TT. DV-SX
33	QT.32		X			X	X	X	X	X	X	X	X
34	QT.33		X		X				X				
35	QT.34		X	X	X		X		X				
36	QT.35		X		X		X		X	X	X	X	
37	QT.36				X				X				X
38	QT.37		X		X		X		X	X	X	X	
39	QT.38		X		X				X	X	X	X	
40	QT.39		X		X				X	X	X	X	
41	QT.40	X	X	X	X				X	X	X	X	X
42	QT.41	X	X						X	X	X	X	X
43	QT.42	X	X	X		X			X	X	X	X	
44	QT.43	X	X						X	X	X	X	
45	QT.44	X	X						X	X	X	X	
46	QT.45	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47	QT.46	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
48	QT.47	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
49	QT.48	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
50	QT.49	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
51	QT.50	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52	QT.51	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53	QT.52	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
54	QT.53	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
55	QT.54				X		X		X				
56	QT.55	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57	QT.56	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
58	QT.57	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
59	QT.58	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
60	QT.59	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**b) Cải tiến**

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến:

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
<b>Tổng số nội dung đang vận hành</b>	60	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

<b>Nội dung thống kê</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	57	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **3.1. Ưu điểm:**

- Chính sách chất lượng như là chiến lược phát triển chất lượng của nhà trường trong giai đoạn hiện nay, từ đó hàng năm nhà trường và đơn vị xây dựng mục tiêu chất lượng để thực hiện;

- Các quy trình, công cụ, biểu mẫu giúp giải quyết công việc theo một trật tự, rút ngắn thời gian khi cần giải quyết một công việc;

- Nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường về tầm quan trọng của hệ thống BĐCL. Từ đó, hình thành văn hóa chất lượng trong nhà trường.

#### **3.2. Tồn tại, hạn chế:**

Hệ thống bảo đảm chất lượng, cụ thể: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, các quy trình, công cụ mới bắt đầu xây dựng năm 2018, thời gian vận hành là chưa đủ để nhận thấy các mặt hạn chế của hệ thống.

**3.3. Nguyên nhân:** Thời gian vận hành là quá ngắn.

**3.4. Đề xuất:** Không./.

**Nơi nhận:**

- TCGDNN;
- Sở LĐTĐ tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, BĐCL-KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Văn Hải**